

TÔ TÁT ĐỊA YẾT RA CÚNG DƯỜNG PHÁP _QUYÊN THỨ NHẤT_

Phạn Hán: Tam Tạng Pháp Sư THIÊN VÔ ÚY
Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ
Sưu tập Thủ Ấn và dịch âm Phạn Chú: HUYỀN THANH

Quy mệnh chư **Như Lai** (Tathàgata)
Và **Pháp** (Dharma), **chúng Bồ Tát** (Bodhisatva-samgha)
Bộ **Liên Hoa** (Padma-kula), **Kim Cang** (Vajra-kula)
Cùng các hàng quyền thuộc
Nay Ta y **Giáo** (Śāstra, hay Āgama) nói
Pháp Trì Tụng Cúng Dường
Lược thông cả **ba Bộ** (Tri-kula)
Lần lượt được tương ứng
Trước xem nơi **Thần Thất**
Sau nói các Pháp Sư
Khi thọ được **Chân Ngôn** (Mantra)
Và làm các **Ấn Pháp** (Mudra-dharma)
Ra vào ở bên ngoài
Pháp chia đất **Tỷ Tịnh**
Quét dọn nơi **Thần Thất**
Trừ bỏ các hoa héo
Làm sạch để **cúng dường** (PŪja)
Sau đó đi tắm gội
Trước là **Tam Ma Gia** (Samaya_ Bản Thệ)
Cột trói các chướng nạn
Tịch Trừ và **Hộ Thân**
Nước sạch làm trong sáng
Tắm gội tự **Quán Đảnh** (Abhiṣeka)
Vốc nước hiến ba lần
Đến nơi cửa Thần Thất
Thay áo **rảy thân** Pháp
Vào Thất và lễ bái
Pháp **Cúng Vật** đầy đủ
Tràng chuỗi và Thần Tuyền
Vòng cổ, năm thứ tịnh (của con bò)
Dâng hiến nước **Ú Già** (Ārga)
Và an đặt Tòa ngồi
Sau quán **Tam Ma Gia** (Samaya)
Pháp trừ thân chướng nạn
Tịch Trừ với Khử Cầu (trừ bỏ dơ bẩn)
Pháp **Quang Trạch** thanh tịnh
Hộ Thân và **Kết Giới** (Śīmā- Bandha)
Tám phương cùng trên dưới
Trước nên tưởng Thần Thất

Pháp **Quán Niệm Bồ Tôn**
 Tiếp theo nơi chốn ở
 Pháp **Phụng Thỉnh Bồ Tôn**
 Dùng **Bồ Tôn Chân Ngôn**
 Mời thỉnh Bồ Tôn xong
 Liền Trừ Khiển Tòng Ma
 Rồi dâng hiến Pháp Tò
 Sau quán **Tam Ma Gia** (Samaya)
 Liền dâng nước Ứ Già
 Tắm Tôn và dâng áo
 Lại hiến hoa, hương xoa
 Hương đốt, thức ăn uống
 Pháp cúng dường **đèn sáng** (Nhiên Đăng)
 Chân Ngôn và Thủ Ấn
 Pháp **Vận Tâm Cúng Dường**
 Ngợi khen và sám hối
 Hộ Bồ Tôn và mình
 Cùng hộ nơi chốn tu
 Lại kết Pháp Đại Giới
 Bày đủ **Bạt Chiết La** (Vajra:Chày Kim Cương)
 Cùng xâu chuỗi, các Pháp
 Phần Chân Ngôn đầy đủ
 Lại Pháp **Ngôi trì tụng**
 Cầu xin các ước nguyện
 Cùng hộ chỗ niệm tụng
 Pháp **Hồi Hương Công Đức**
 Khởi Pháp **Phát Nguyện lớn**
 Cùng hiến nước Ứ Già
 Pháp **Hương xoa** (Gandha), **hương đốt** (Dhūpa)....
 Lại quán **Tam Ma Gia** (Samaya)
 Hộ thân ta và người
 Giải các chỗ Kết Giới
 Sau làm Pháp **Phát Khiển**
Hộ Ma (Homa), các chi phần
 Là **Lư, Thần** và **Đất**
 Pháp **Thieu đốt** đầy đủ
 Chuyển đọc **Kinh Phương Quảng** (Vaipulya-sutra)
 Và làm Pháp **Chế Đê** (Caitye:Tháp.Đây là Pháp **ấn tạo Tháp cúng dường**)
 Sau lại quán Từ Bi
 Pháp **suy nghĩ sám niệm**
 Theo thứ tự như đây
 Nay Ta lược nói đủ

_ **Thấy nơi Thần Thất** tức là vào **Mạn Đà La** (Maṇḍala: Đàn Tràng) rải hoa.
 Hoa rơi vào Vị nào thì Vị đó là Bồ Tôn.

_ Nói **Sự Pháp** là được **Tối Thắng Thọ Minh Quán Đảnh**, vâng theo **A Xà Lê** (Ācārye: Đạo Sư) ấn khả truyền Pháp **Quán Đảnh** (Abhiṣeka) cho đến làm Pháp **Tức Tai** (Śāntika).... Các Pháp Quán Đảnh khác.

_ **Đôi thọ Chân Ngôn và Thủ Ấn** tức là người Thọ Pháp tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới sạch, ở chỗ trong sạch đó quỳ thẳng lưng, cung kính đối trước A Xà Lê,

gắn gùi thọ Chân Ngôn và Thủ Ấn. Thời A Xà Lê tụng trước ba biến tời truyền cho Đệ Tử. Đệ Tử thọ rồi tự tụng ba biến, sanh lòng hoan hỷ sâu xa, cúi lậy làm theo. Đây là tùy sức bày biện cúng dường, A Xà Lê giảng giải Pháp xong mới có thể theo thứ tự niệm tụng

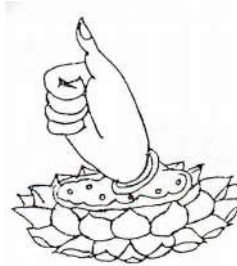
_ **Ra ngoài, vào Thất** tức là sáng chiều làm xong, đi vào các chỗ đơ uế đều dùng **Thọ Xúc Phần Nộ Chân Ngôn** mà hộ thân. Chân Ngôn là:

ॐ षड्वा हूं ह्रीं

“**Úm, câu lộ đà na, hồng, nhạ**”

*)OM_ KRODHANA HŪM JJAḤ (?JAḤ)

Ấn Tướng: Tay phải nắm lại thành Quyền, duỗi thẳng ngón cái hộ năm chỗ là Đảnh, hai vai, tim, cổ.



_ **Chia đất thanh tịnh** là dùng năm cục đất chà nơi hạ bộ, dùng ba cục chà nơi tiểu tiện, dùng ba cục chà tay trái, dùng bảy cục chà hai tay. Nếu chưa được sạch thì dùng ý mà chà rửa cho đến khi sạch thì thôi. Ba cục dùng Thọ Xúc Chân Ngôn và Thủ Ấn ấn đất trì tụng một biến cho đến bảy biến, sau đó mới dùng. Lại dùng Chân Ngôn mà rưới vẩy nơi thân. Chân Ngôn là:

ॐ श्रीं श्रुतिं धारणीं हूं ह्रीं

“**Úm, Thuật rô đế, sa bà lạc đế, đà la ni, hồng, hạ**”

*)OM_ ŚRUTI ŚṚTI (?ŚRŪTI SMṚTI) DHARAṆI HŪM HAḤ

Ấn Tướng: Ngửa lòng bàn tay phải duỗi thẳng năm ngón, hở rộng các kẽ tay, co lỏng giữa của ngón vô danh vào lòng bàn tay, ngón cái đè nơi gốc ngón trở hướng về phía trước, đây là Pháp **Rải Nước**.



Hướng về phương Đông ngồi **Tông Cú** (ngồi xôm) hai tay để ở nơi đầu gối, đây là **Vóc Nước** không co có bọt, không để phát ra tiếng động, uống ba hớp sau đó dùng tay lấy nước rửa môi miệng. Lấy lưỡi rà trong miệng, xúc miệng cho sạch cặn dơ, sau đó uống nước. Lại kết Ấn và tụng Chân Ngôn, trước tiên chạm 2 mắt, miệng, tai, mũi, 2 vai, yết hầu, trái tim, đánh thành **Hộ Thân**, các **căn** (Āyatana) **thanh tịnh** (Viśuddha).

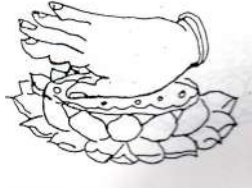
_ **Quét dọn Thần Thất**: Tức là tùy theo chỗ thành tựu và việc sai khác cùng điều ấy tương ứng chọn nơi chôn vừa ý, đất không có chướng ngại. Trừ bỏ Phạ Nhĩ La, trùng, ngói, hang hố, xương cốt, lông tóc, tro than.... Đào đất trừ bỏ các đất dơ bẩn, lấy đất sạch đổ xuống rồi lấp đầy, trên đất đó làm cái Thất chắc chắn, bí mật mà làm, không cho gió lọt vào. Cửa thất hướng về Đông, hoặc Bắc hoặc Nam tùy theo

ॐ ह्रीं ह्रीं [राज्य ह्रीं]मय ह्रीं

“Úm, ha ra ha ra, ra khu nghi ra, hạ ra na dã, soa ha”

*)OM_ HĀRA HĀRA RAJOGRAHĀRAṆIYA (?RAJA UGRA AHĀRAṆYA) SVĀHĀ

_ Lại nói Chân Ngôn tô đắp đất:



ॐ कर्ण मन् कर्ण ह्रीं

“Úm, yết ra lê, ma ha yết ra lê, soa ha”

*)OM_ KARĀLE MAHĀ-KARĀLE SVĀHĀ

Trước quét dọn Thần Thất, trừ bỏ hoa héo, rửa sạch các vật đựng đồ cúng dường, sau đó mới tắm gội.

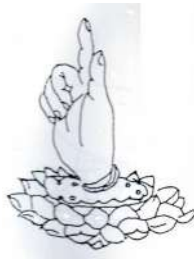
_ Khi đến nơi tắm gội trước tiên dùng Chú và Ấn này hộ các vật cúng dường rồi mới có thể đến.

ॐ शिखरि वज्रि ऋं

“Úm, thi khu ra, phạ nhật ri, ăm”

*)OM_ ŚIKHIRA VAJRI AM

Ấn Tượng: Tay phải nắm lại thành quyền. Duỗi thẳng ngón cái, ngón trỏ sao cho 2 ngón chạm nhau và đựng vào vật cúng dường mà gia trì



_ Trước tiên tác Tam Ma Gia (Samaya): Tức là trước khi làm Pháp phải tác Tam Ma Gia, sau đó hộ thân làm các việc.

_ Lại nói Tam Ma Gia Chân Ngôn và Thủ Ấn.

.) Đầu tiên là Phật Bộ Chân Ngôn::

ॐ तथगत उद्भवया ह्रीं

“Úm, dát tha nghiệt đố na bà phạ dã, soa ha”

*)OM_ TATHĀGATA UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Ấn Tượng: Ngửa 2 lòng bàn tay, duỗi thẳng 10 ngón tay hướng về phía trước, hai cạnh bàn tay chạm nhau, hơi co lỏng trên của 2 ngón trỏ. Đây là Phật Bộ Tam Ma Gia Ấn



.) Tiếp nói Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ पद्मद्वयं ह्रूं

“Úm, bát na mô na bà phạ dã, soa ha”

*)OM_ PADMĀ-DBHAVĀYA (? PADMA-UDHAVĀYA) SVĀHĀ

Ấn Tượng: Chắp 2 tay: 2 ngón trỏ, 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh hướng ra ngoài hơi mở không cho chạm nhau. 2 ngón cái, 2 ngón út dính nhau, lòng bàn tay trống như hoa sen nở, sáu ngón (2 trỏ, 2 giữa, 2 vô danh) hơi co. Đây là **Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Ấn**



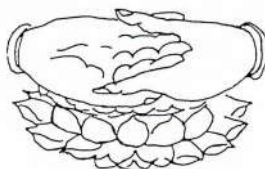
.) Lại nói Kim Cang Bộ Tam Muội Gia và Thủ Ấn

ॐ वज्रद्वयं ह्रूं

“Úm, phạ nhật lộ na bà phạ dã, soa ha”

*)OM_ VAJRA UDBHAVĀYA SVĀHĀ

An Tượng: Ngửa tay phải để lên lưng bàn tay trái, ngón cái phải bắt chéo ngón út trái, ngón cái trái bắt chéo ngón út phải, 6 ngón kia hơi duỗi như chày Kim Cang 3 chia (Tam Cỗ Kim Cang). Đây là **Kim Cang Tam Muội Gia Ấn**.



_ Lại **cột trói các nạn**: Tức dùng Quân Trà Lợi Thủ Ấn Chân Ngôn cột trói các nạn.

Ấn Tượng: Tay trái để trên bắp tay phải, ngón cái vịn trên móng ngón út, 3 ngón kia duỗi như chày Kim Cang ba chia. Sau dùng tay phải để trên bắp tay trái, cũng đem ngón cái vịn móng ngón út, duỗi 3 ngón kia như chày ba chia.



Hướng mặt về phương Đông rồi ngồi, co gối trái vươn tới trước, chân phải thẳng ngang cách chân trái **2 thước** (2/3m), bàn chân để ngang bám xuống đất, bậm mọi bên mép phải, trợn mắt nhìn qua trái, tưởng thân của mình (tự thân) như **Quân Trà Lợi** (Amṛta-kunḍali: Cam Lộ Quân Trà Lợi), tụng Căn Bản Chân Ngôn

ॐ नमो वाज्राय नमो शक्राय वज्राय मन्त्राय मन्त्राय
 मन्त्राय नमो वज्राय शक्राय वज्राय मन्त्राय मन्त्राय
 वज्राय वज्राय वज्राय वज्राय वज्राय वज्राय वज्राय वज्राय
 वज्राय वज्राय वज्राय वज्राय वज्राय वज्राय वज्राय वज्राय
 मन्त्राय मन्त्राय मन्त्राय मन्त्राय मन्त्राय मन्त्राय मन्त्राय मन्त्राय

“**Năng mô ra đất năng đất ra dạ dã**

Năng mãn thất chiến nũa phạ nhật ra tri ninh duệ, mãn ha dước khát sai, tế năng bát đa duệ

Năng mô phạ nhật ra cú lộ đà dạ, năng sát tra lộ đất kiết tra bà dã, bội ra phạ dã, a tỳ, mâu tát la , bát ra thú, bả xả ha ta da dã.

Đất diệt tha: Úm, ám mật lật đa quân nũa li, khur khur, khur khur, khur hế khur hế, để sát xá đả sát xá, mãn đà mãn đà, hạ năng hạ năng, nghiệt ra nhạ nghiệt ra nhạ, vi sa phổ tra vi sa bố tra dã, tát ra phạ vĩ cận năng, vĩ cận năng dã kiếm, ma ha da ninh bát để, nhĩ vĩ đán đa, ca ra dã, hồng , phẩn tra (Tụng 7 biên)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMA (?NAMAḤ) ŚCAṆḌA VAJRAPĀṆIYE MAHĀ-YAKṢA SENAPATAYE

NAMO VAJRA KRODHAYA DAMṢṬRATKOTA (?DAMṢṬROT KATA) BHAYA BHAI RAVAYA, ASI MUMARA (?ĀŚI MUSARA) PRAŚU (?PARAŚU) PAŚA (?PĀŚA) HASTAYA (?HASTĀYA)

TADYATHĀ: OM_ AMṚTA-KUNḌALI KHAKHA KHAKHA KHAHI KHAHI TIṢṬA TIṢṬA BANDHA BANDHA HĀNA HĀNA (?HANA HANA) GARJA GARJA VISPHĀṬAYA VISPHĀṬAYA (?VISPHOṬĀYA VISPHOṬĀYA)_ SARVA VIGHNA (?VIGHNĀM) VIGHNAYAKAM (?VINĀYAKĀM) MAHĀ-GAṆAPATI JIVITAMTAKARAYA (?JIVITĀNTA KARĀYA) HŪM PHAṬ

Chân Ngôn này, sau câu **mãn đà mãn đà** (Bandha bandha) dùng 2 tay, 3 ngón (ngón cái đè trên móng ngón giữa và ngón vô danh) nắm lại thành quyền, các ngón vịn nhau (đuôi ngón trỏ và ngón út, hơi co) thì các nạn liền bị cột trói.

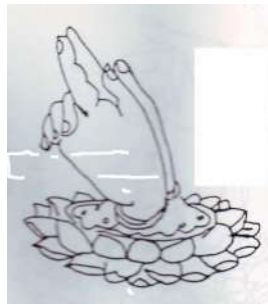
_ Lại Pháp **tắm gội**: Để làm sạch thân, nên lấy đất sạch chia làm 3 phần (Có thể dùng 3 cục xà phòng thơm) dùng Chân Ngôn Thủ Ấn, trì tụng Chân Ngôn:

ॐ नमो नानाय नमो देवे सोहा

“**Úm, ninh khur nan, phạ tô đề, soa ha”**

*)OM_ NIKHANA VASUDHE SVĀHĀ

Ấn Tướng: Hai tay cái chéo nhau, các ngón vịn ở lưng bàn tay, dựng thẳng 2 ngón trỏ dựa nhau, dựng thẳng 2 ngón cái vịn bên cạnh 2 ngón trỏ. Dùng Ấn này chạm vào cục đất, tụng Chân Ngôn, sau đó mới lấy



_ Lại **Tịch Trừ** (xua đuổi): Phàm làm các việc, trước cần **Tịch Trừ**, sau đó mới có thể làm. **Tịch Trừ Chân Ngôn** là:

ॐ वज्रय हूं ह्रं व्रं मृद व्रह्मस्य सत्यं हूं ह्रूं

“**Năng mô phạ nhật ra dã, hồng, hạ năng, đậu năng, mãn tha, vĩ đá băng ta du, ta ra dã, hồng, phẩn tra** (Tụng 7 lần)”

*)**NAMO VAJRAYA (?VAJRĀYA) HŪM HANA DHUNA MADHA (?MATHA) VIDHVAMŚAYU (?VIDHVAMŚAYA) SARAYA (UDSARĀYA) HŪM PHAT**

Ấn Tướng: Tay trái co ngón cái vào lòng bàn tay, ngón giữa ngón vô danh đè ngón cái, co ngón trỏ dựa bên lóng giữa của ngón giữa, co ngón út dựa bên lóng giữa của ngón vô danh, duỗi cánh tay để trên đánh, quay theo bên phải 3 vòng và ấn 5 nơi trên thân. Tay phải ngón cái đè móng ngón vô danh, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình **Phạ Nhật Ra** (Vajra: chày Kim Cương) để bên hông, chân đứng như Pháp trên. Đây là **Tịch Trừ Ấn**



_ Lại **Tịch Trừ Chân Ngôn** và **Thủ Ấn**

ॐ वज्र तारै हूं ह्रूं

“**Úm, phạ nhật ra, đa ra, hồng, phẩn tra**”

*)**OM VAJRA TARA (?TĀRA) HŪM PHAT**

Ấn Tướng: Dùng tay phải vỗ lòng bàn tay trái 3 lần. Đây là **Tịch Trừ Thủ Ấn**



_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

“Úm, chỉ lị chỉ la, phạ lão nại ra, hồng, phẩn tra”

*)OM_ KILIKILA RAVADRA (?RAUDRA) HŪM PHAT

Ấn Tượng: Tay phải búng ngón tay 3 lần



_ Lại Pháp Hộ Thân: Dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn để kết Thập Phương Ấn.

Hộ Thân Chân Ngôn:

ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

“Úm, thương ca lệ, tam mãn diễm, soa ha”

(Đây là Hộ Thân Kết Giới Chân Ngôn)

*)OM_ ŚAKARA (?SAMKARE) SAMMAYAM (?SAMAYE) SVĀHĀ

Ấn Tượng: Tay phải ngón cái vịn móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi mở gọi là **Phạ Nhật Ra Ấn** (Vajra: Kim Cang Tam Cổ Ấn) dùng kết phương trên, phương dưới và 8 phương giới dùng để Hộ Thân.



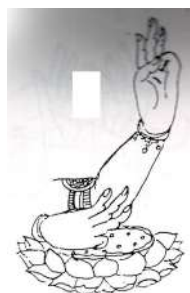
_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn. Dùng ấn ở Thân của mình, nước, đất, các vật thành sạch sẽ thanh tịnh.

ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

“Úm, chỉ lị chỉ lị, phạ nhật ra, hồng, phẩn tra”

*)OM_ KILIKILI (?KĪLIKĪLA) VAJRA HŪM PHAT

Ấn Tượng: Tay phải ngón cái vịn móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi mở, chống ở hông, 3 ngón hướng về phía trước. Tay trái cũng vậy. Dùng chạm vào các vật tức thành thanh tịnh, trừ bỏ các dơ uế. Đây là **Khử Cấu Ấn** (Ấn trừ bụi dơ)



_ Lại dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn và Thủ Ấn làm thanh tịnh

ॐ 𑖀𑖩𑖫𑖮 𑖂𑖫𑖮

“Úm, am mật lật đế, hồng, phẩn tra”

*)OM_ AMMRṬA (?AMṚTE) HŪM PHAT

Ấn Tượng: Tay phải nắm lại thành quyền, lấy nước tụng 7 biến dùng rưới vẩy trên các vật và trên mình khiến được sạch sẽ.



_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn. Dùng Quang Trạch Chân Ngôn:

ॐ 𑖀𑖩𑖫𑖮 𑖂𑖫𑖮 𑖂𑖫𑖮𑖮 𑖂𑖫𑖮𑖮 𑖂𑖫𑖮𑖮

“Úm, nhập phạ ra, nhập phạ ra dã, phạ nạp rị, soa ha”

*)OM_ JVALA JVALAYA BADHRRI (?BANDHURI) SVĀHĀ

Ấn Tượng: Tay trái ngón cái vịn móng ngón út, dựng đứng 3 ngón kia hở kẽ tay, duỗi cánh tay. Tay phải cũng kết Ấn này nâng cùi chỏ tay trái, dùng tay trái chạm vào các vật và trên thân tức thành **Quang Trạch** (sáng bóng loáng)



_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn quây nước

ॐ 𑖀𑖩𑖫𑖮 𑖂𑖫𑖮 𑖂𑖫𑖮𑖮 𑖂𑖫𑖮𑖮

“Úm, hồng, hạ năng, phạ nhật ra, phạ nhật lệ nĩa, ha”

*)OM_ HŪM HANA VAJRI VAJREṆA HĀ

Ấn Tượng: Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài, co các ngón nơi 2 lưng bàn tay, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay, 2 ngón trỏ co đầu chạm móng nhau. Đây là Ấn **Quây nước**



_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn, lấy đất xoa thân. Chân Ngôn là:

ॐ सु खे र्भू ॐ

“**Úm, bộ ra nhạ phạ ra, hồng**”

*)OM_ BHŪR JVARA (?BHŪR JALA) HŪM

Ấn Tượng: Lấy đất hòa nước. Hai tay ngón cái đè móng ngón út, các ngón kia mở, 2 tay dựa vào nhau. Lấy tay phải xoa khắp thân. Đây là **Thủ Địa Đồ Thân Ấn** (Ấn lấy đất xoa thân)



_ Lại Quân Trà Lợi Chân Ngôn và Thủ Ấn. Tụng **Thủy Chân Ngôn**

ॐ मृग क्क ॐ

“**Úm, a mật lật đế, hồng, phẩn tra (7 biên)**”

*)OM_ AMRTE HŪM PHAT

Ấn Tượng: Trước duỗi tay phải ngang bằng, co ngón giữa ngón vô danh đè móng ngón cái, co ngón trỏ và ngón út đè bên ngón giữa và ngón vô danh, trì tụng Chân Ngôn. Đây là **Ấn Quậy nước và tắm gội**



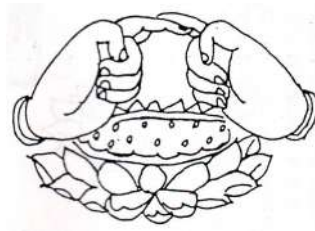
_ Lại Chân Ngôn và Thủ Ấn khiển trừ **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyāka: Loài gây chướng nạn) trong thân. Chân Ngôn là:

ॐ मृग क्क ह्न ह्न ॐ क्क

“**Úm, a mật lật đế, hạ năng hạ năng, hồng, phẩn tra**”

*)OM_ AMRTE HANA HANA HŪM PHAT

Ấn Tượng: Hai tay co ngón cái vào lòng bàn tay, mỗi mỗi đều nắm thành quyền, duỗi 2 ngón trỏ cùng cái chéo nhau nhập vào trong hồ khẩu, dùng Ấn để từ đánh kéo xuống dưới chân rồi tách ra. Đây là **Ấn Khiển trừ Tỳ Na Dạ Ca trong thân**



Lại dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn và Thủ Ấn hộ 5 chỗ trên thân

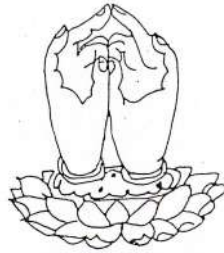
ॐ वज्रग वरुपय स्रु

“Úm, phạ nhật ra kỳ kinh, bát ra nễ bát đa dã, soa ha”

*)OM VAJRAGA (?VAJRA AGNI) PRADAPTĀYA (?PRADIPTĀYA)

SVĀHĀ

Ấn Tượng: Hai ngón út cài chéo nhau trong lòng bàn tay, 2 ngón vô danh cùng đè 2 ngón út, dựng thẳng 2 ngón giữa dựa đầu nhau, hơi co 2 ngón trở bên lóng trên của ngón giữa cách nhau một hạt lúa, dựng thẳng 2 ngón cái dựa bên ngón giữa, ấn chạm 5 chỗ tức thành Hộ Thân.



Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn, trì tụng mỗi mỗi phần đất

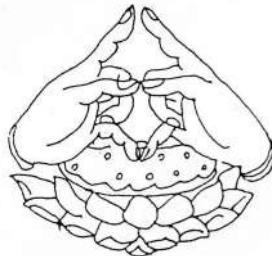
ॐ वृष वृष ऋयवृष वरुवृष स्रु

“Úm, độ tỷ độ tỷ, ca dã độ tỷ, bát ra nhĩ phạ lý ninh, soa ha (3 biến)”

*)OM DHRPI DHRPI KĀYADHRVI (?DHŪPE DHŪPE KĀYA-

DHŪPE) PRAJVALINI SVĀHĀ

Ấn Tượng: Hai tay ngón trở và ngón út đều dựa nhau, co 2 ngón giữa 2 ngón vô danh trong lòng bàn tay. Hai tay đối lưng nhưng không chạm nhau, 2 ngón cái đầu chạm nhau.



Ở chỗ để 3 cục đất, lấy một cục, dùng Ấn ấn đất, tụng 3 biến, chà từ chân đến rón rồi chà tay, dùng nước rửa sạch, thứ hai thứ ba cũng vậy, chà và rửa sạch. Lại lấy cục thứ hai, như trên trì tụng 3 biến chà từ rón đến cổ. Lại lấy cục thứ ba, như trên trì tụng, chà từ cổ đến đánh. Xong rồi lại tụng Chân Ngôn, tác Thủ Ấn và tám gôi. Lại tác Ấn và tụng Chân Ngôn chà khắp thân rồi xả Ấn ở trái tim. Đây gọi là **Bị Giáp Ấn**, tụng Thổ Ấn.

Lại Quân Trà Lợi Căn Bản Chân Ngôn. Dùng tay quây nước, tùy ý tám gôi

ॐ नमः इववयय नमः श्रु वरुपमय मरु यरु मनपगय
नम वरु ऋय वरुवृष स्रु संश्रुकरुय श्रुवय मरु
मृमरु वरु पृषु पृषु रुम नृषु उं श्रुमृग कुश्रु वरुव
वरुव वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु
वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु
वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु वरु

नमो रा दत्त न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात्
मरु त्त्वत्तु न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात् न्द्रात्

“Na mô ra dât nãng dât ra dâ dâ

Na mang thât chiền nũa phạ nhật ra trì nĩnh duệ, ma ha được khát sa, té nãng bát đả duệ

Na mô phạ nhật ra cu lộ đà dâ, bát ra nha phạ lý đả, nễ bát đả, nãng sắt tra rô đắc ca tra bà dâ, bội ra phạ dâ, a tỹ, mãn ta ra, phạ nhật ra, bát ra thâu, ba xã, hạ ta gia dâ .

Đát điệt dâ tha: Úm, a mật lật đả quân noa lý, khur khur khur khur, khur nãng khur nãng khur nãng khur nãng, khur đà khur đà khur đà khur đà, khur tú khur tú khur tú khur tú, đễ sắt tra đễ sắt tra, hạ nãng hạ nãng, noa hạ noa hạ, bát dâ bát dâ, nghiệt lật hạ nũa nghiệt lật hạ nũa, man đà man đà, nghiệt ra nhạ nghiệt ra nhạ, đát ra nhạ đát ra nhạ, vĩ ta phổ tra dâ vĩ ta phổ tra dâ, bà già phạm, nãng một lật đả quân nũa lý, mẫu lật bà nãm đả nũa dâ, phạ nhật lệ nũa , tát ra phạ vi đà na dâ, vi na dâ kiếm ninh phạ ra dâ, ma ha già na bát đễ, nhĩ vĩ nan đả, ca ra dâ , hồng hồng, phần tra phần tra, cú rô đà căn nãng duệ, soa ha (3 biến)”

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ŚCAṆḌA VAJRA-PĀṆIYE (?VAJRA-PĀṆIYE) MAHĀ-YAKṢA SENAPATAYE

NAMO VAJRA-KRODHĀYA PRAJVALITA DIPTA DAMṢṬRATKOTA (?DAMṢṬROT KATA) BHAYA BHAIKAVAYA ASI MRSALA (?ĀSĪ MUSARA) VAJRA PARĀŚU PĀŚA (?PĀŚA) HASTA (?HASTĀYA)

TADYATHĀ: OM_ AMMṚTA KUDOLI (?AMṚTA-KUṆḌALI) KHAKHA KHAKHA _ KHANA KHANA _ KHADA KHADA KHADA KHADA _ KHAKI KHAKI KHAKI KHAKI (?KHAHI KHAHI KHAHI KHAHI)_ TIṢṬA TIṢṬA _ HANA HANA _ DAHA DAHA _ PACA PACA _ GRHAṆA GRHAṆA (?GRHṆA GRHṆA) _ VADDHA VADDHA (?BANDHA BANDHA) _ GARJA GARJA _ TRAJA TRAJA _ VISPHOṬAYA VISPHOṬAYA _ BHAKHAVĀMNAMRTAKUTALI (?BHAGAVAN AMṚTA-KUṆḌALI) MURITANAMTANUYA (?MURTA ANTANUYA) VAJRAṆA _ SARVA VIGHNAYA VINAYAKĀM (?VINĀYĀKA) NIVARAYA _ MAHA-KHAṆAPATI (?MAHĀ-GAṆAPATI) JIVITAMTA KĀRAYA (?JIVITĀNTA KARĀYA) _ HŪM HŪM _ PHAṬ PHṬT _ KRODHAGNAYE (?KRODHA AGNĀYE) SVĀHĀ

_ Tụ Quán Đảnh dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn. Tụ Quán Đảnh Chân Ngôn là:

उं ह्रं त्रल्लं ह्रं ह्रं

“Úm, ha , khur lị lị, hồng , phần tra”

*)OM_ HAḤ KHALALA (?KHAKALI) HŪM PHAṬ

Án Tượng: Hai ngón út cài chéo nhau trong lòng bàn tay, 2 ngón vô danh đè trên 2 ngón út, dựng thẳng 2 ngón giữa dựa đầu ngón bên 2 ngón trở. Dùng Án vốc nước, tụng Chân Ngôn 3 biến **tụ Quán Đảnh** (tụ rưới nước lên đảnh đầu của mình)

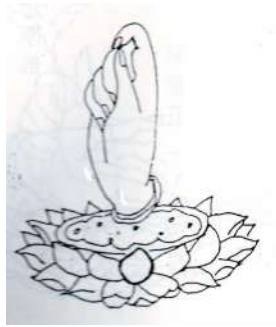
_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn tụ kết búi tóc

उं ससिद्धिं करि ह्रं

“Úm, tô tát địa yết lị, sa phạ ha”

*)OM_ SASIDDHI (?SUSIDDHI) KARI SVĀHĀ

Ấn Tướng: Tay phải nắm thành quyền, duỗi thẳng ngón cái, đem ngón trỏ đè trên ngón cái rồi quấn lại như hình cái vòng, tụng 3 biến rồi để trên đỉnh tức thành kết búi tóc



.) Phật Bộ Kết Phát (cột tóc) Chân Ngôn:

ॐ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒

“Úm, thi kỳ thi khê, soa ha”

*)OM_ ŚAKHA ŚIGA (?ŚIKHI ŚIKHI) SVĀHĀ

.) Liên Hoa Bộ Kết Phát Chân Ngôn:

ॐ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒

“Úm, thi khê, soa ha”

*)OM_ ŚIKHI SVĀHĀ

.) Kim Cang Bộ Kết Phát Chân Ngôn:

ॐ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒

“Úm, thi khur tá, soa ha”

*)OM_ ŚIKHASYA SVĀHĀ

_ Phàm tắm gội thời không nên tắm trong nước có bùn do vũng có gai, có trùng, không chảy nước ruộng. Lại không được tiêu tiện trong nước, không lội giỡn, không được xem chỗ kín và tường chỗ kín của phụ nữ với các chỗ khác. Yên lặng mà tắm vì bỏ các cấu bẩn không vì trang nghiêm thân mà tắm.

Lại hiến 3 vốc nước. Sau khi tắm xong, hướng mặt về nơi Bốn Tôn ngự, quán niệm Bốn Tôn, trì tụng Chân Ngôn và tác Ấn.

Dùng Ấn múc nước dâng hiến 3 vốc, tưởng tắm Bốn Tôn và hiến Ú Già. Hoặc ở trong nước tùy ý niệm tụng hướng về nơi Đạo Tràng

.) Phật Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn:

ॐ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒

“Úm, để ra lệ, phật đà, soa ha” (Tụng 3 biến vốc 3 vốc nước)

*)OM_ TERALE BUDDHA SVĀHĀ

.) Liên Hoa Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn:

ॐ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒

“Úm, tỵ rị tỵ rị, hồng, phán tra” (Tụng 3 biến vốc 3 vốc nước)

*)OM_ BHIRI BHIRI HŪM PHAT

.) Kim Cang Bộ Hiến Thủy Chân Ngôn:

ॐ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒ ऋ॒

“Úm, vi thập phạ, phạ nhật lệ, soa ha” (Tụng 3 biến vốc 3 vốc nước)

*)OM_ VISVA-VAJRE SVĀHĀ

Ấn Tướng: Ngửa ngang bằng 2 tay dựa bên cạnh nhau, 2 ngón trỏ vịn 2 đầu ngón cái, hơi co 6 ngón kia.

Dùng Ấn vốc nước, tụng Chân Ngôn 3 lần, dâng rửa Bồn Tôn.

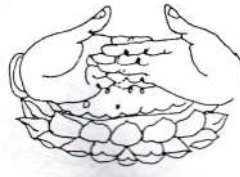
_Hiến xong tụng Chân Ngôn xả Ấn. Dùng **A Tam Man Kỳ Ninh Chân Ngôn:**

ॐ मममममम मम मम मम

“Úm, a tam man kỳ ninh, cật lệ, hồng, phẩn tra”

*)OM_ ASAMAMGINI HRI HŪM PHAṬ

Ấn Tướng: Tay phải để sau lưng tay trái, ở trong không gặp nhau, 2 ngón cái hướng thẳng lên trên, xoay qua trái một vòng Giải Giới.



_ Khi đến Đạo Tràng tức là đi đến Đạo Tràng không được khởi sân si và tham dục, chuyên niệm Bồn Tôn mà đi đến. Ở trong Thần Thất không nên bước qua các vật như Khí Trượng, thuốc thang tức là các Pháp Khí như chuông, mõ, tích trượng, các Ấn, hoa héo, thuốc, cây cỏ đều không nên đạp lên. Các hình Tháp, Tôn Tượng, Tỳ Kheo đều không nên đạp lên. Cũng không được cỡi voi, ngựa, lạc đà, dê, lừa... không nên cỡi và thân không được chạm đến. Nếu phạm tức đọa Tam Ma Gia. Cũng không nên khởi tham, sân, si, mạn, trạo cử, kiêu ngạo. Không mang giày dép hoặc đội mũ vào Đạo Tràng. Gặp Tháp, hình tượng Sư Trưởng nên lấy đồ mà che cung kính mới đến Đạo Tràng.

_ Tắm gội sạch sẽ, thay quần áo mới sạch tức là đến đứng ở ngoài cửa Đạo Tràng, rửa tay chân, dùng Thủ Ấn Chân Ngôn đã nói lúc trước. Lại uống nước và Sái Tịnh (rưới vẩy cho trong sạch)

.) Phật Bộ Âm Thủy Sái Tịnh Chân Ngôn:

ॐ मम मम मम

“Úm, ma ha nhập phạ la, hồng”

*)OM_ MAHĀ-JVALA HŪM

.) Liên Hoa Bộ Âm Thủy Sái Tịnh Chân Ngôn:

ॐ कुकुल कु कु कु कु

“Úm, đô đô ra, cu rô cu rô, sa phạ ha”

*)OM_ TUTULA KURU KURU SVĀHĀ

.) Kim Cang Bộ Âm Thủy Sái Tịnh Chân Ngôn:

ॐ मममम मम मम

“Úm, nhập phạ lệ đa, phạ nhật lệ ni, hồng”

*)OM_ JVALITA VAJRINI HŪM

Lại nói Phật Bộ Âm Sái Thủy Thủ Ấn: Ngửa duỗi tay phải, co lóng giữa ngón vô danh và ngón út vào trong, không chạm lòng bàn tay.



Liên Hoa Bộ Âm Thủy Sái Tịnh Thủ Ấn: Như Phật Bộ Ấn bên trên
Kim Cang Bộ Âm Thủy Sái Tịnh Thủ Ấn : Như Phật Bộ Ấn bên trên, chỉ mở ngón trỏ và ngón út.

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn rưới vảy ngoài cửa và quần áo

ॐ वमलेश्वर

“Úm, vi mãn la, soa ha”

*)OM_ VIMALI (?VIMALA) SVĀHĀ

Ấn Tượng: Tay phải nắm thành quyền, lấy nước trì tụng rồi rưới vảy trên quần áo.



_ Lại dùng Chân Ngôn trì tụng nơi quần áo rồi mặc

ॐ पारिवर्तवज्रिणी

“Úm, bát rị phạ ra đa, phạ nhật rị ni, hồng”

*)OM_ PARIVARTA (?PARIVARTTA) VAJRINI HŪM

_ Vào Thần Thất lễ bái. Hành Giả nhất tâm vào Đạo Tràng. Khi vào Thất rồi, hướng mặt về Bốn Tôn, chấp tay làm lễ. Trước tiên ở trong Thất đặt Tôn Dung của Bốn Tôn, hoặc Tháp hoặc đê Tòa, lễ bái xong thì cúng dường.

Lại bày biện các món cúng dường tức là đốt hương.... 5 thứ Ngưu Tịnh (5 món của con bò), Thần Tuyền, nhẫn cỏ, tòa ngồi, vật Ú Già, chày Kim Cang, xâu chuỗi, hạt cải trắng, dây lưng. Đây gọi là **Vật Cúng**

_ Khi vào Thất thời miệng tụng Chân Ngôn bước vào

ॐ ज्वालता लोचन

“Úm, nhập phạ lị đa , lộ giả năng, hồng, phẩn tra” (Tụng 7 biến thông cho cả 3 Bộ)

*)OM_ JVALATA (?JVALITA) LOCANA HŪM PHAT

_ Lại nên tác Tam Ma Gia Chân Ngôn và Ấn

.) Phật Bộ Chân Ngôn:

ॐ तथान्घटोत्तम

“Úm, đát tha nghiệt đố na bà phạ dã, soa ha” (Tụng 5 biến)

*)OM_ TATHĀGATA UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Ấn Tượng: Ngửa 2 lòng bàn tay, duỗi thẳng 10 ngón tay hướng về phía trước, hai cạnh bàn tay chạm nhau, hơi co lóng trên của 2 ngón trỏ.



.) Tiếp nói Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ पद्मद्वयं ह्रस्व

“Úm, bát na mô na bà phạ dã, soa ha” (Tụng 5 biến)

*)OM_ PADMĀ-DBHAVĀYA (? PADMA-UDBHAVĀYA) SVĀHĀ

Ấn Tượng: Chắp 2 tay. 2 ngón trỏ, 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh hướng ra ngoài hơi mở không cho chạm nhau. 2 ngón cái, 2 ngón út dính nhau, lòng bàn tay trống như hoa sen nở, sáu ngón (2 trỏ, 2 giữa, 2 vô danh) hơi co.



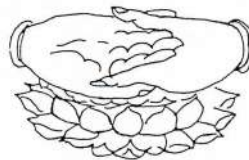
.) Lại nói Kim Cang Bộ Tam Muội Gia và Thủ Ấn

ॐ वज्रद्वयं ह्रस्व

“Úm, phạ nhật lộ na bà phạ dã, soa ha” (Tụng 5 biến)

*)OM_ VAJRA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ

Ấn Tượng: Ngửa tay phải để lên lưng bàn tay trái, ngón cái phải bắt chéo ngón út trái, ngón cái trái bắt chéo ngón út phải, 6 ngón kia hơi duỗi như chày Kim Cang 3 chia (Tam Cổ Kim Cang).



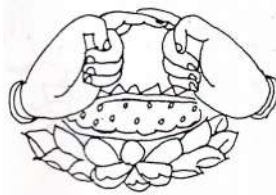
__ Lại nên dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn tịch trừ Tỳ Na Dạ Ca trong thân. Chân Ngôn là:

ॐ अमृतं ह्रस्व ह्रस्व ह्रस्व ह्रस्व

“Úm, am mật lạc đế, hạ năng hạ năng, hồng, phẩn tra”

*)OM_ AMRTE (?AMRTE) HANA HANA HŪM PHAT

Ấn Tượng: Hai tay co ngón cái vào lòng bàn tay, từ ngón giữa trở xuống nắm lại thành quyền, duỗi 2 ngón trỏ, phải trái cài chéo nhau nhập vào trong Hồ Khẩu. Dùng Ấn từ trên đánh kéo xuống đến chân



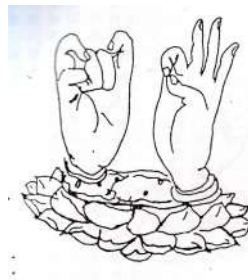
_ Lại nên dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn tịch trừ

ॐ वज्रं हूं ह्रीं वृं मयं (ॐ वज्रं ह्रीं मयं हूं)

“**Năng mô phạ nhật ra dã, hồng, hạ năng, độ năng, mãn tha, vĩ đặc mọng ta du ra dã, phẩn tra**” (7 biến)

*)NAMO VAJRAYA (?VAJRĀYA) _ HŪM _ HANA DHRNA (?DHUNA) MATHĀ (?MATHA) VIDHVAMSA YĀ (VIDHVAMSA YA) SARAYA (?UDSARĀYA) PHAT

Ấn Tượng: Tay trái co ngón cái vào lòng bàn tay, ngón giữa và ngón vô danh đè ngón cái, co ngón trỏ chạm bên lóng giữa của ngón giữa, co ngón út chạm bên lóng giữa của ngón vô danh, duỗi thẳng cánh tay, xoay trên đầu 3 vòng theo bên phải, ấn 5 chỗ trên thân. Tay phải ngón cái đè móng ngón út, duỗi thẳng 3 ngón kia làm hình chày Kim Cang, chông tay ở hông, Pháp đứng như trước.



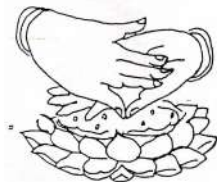
_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ वज्रं ह्रीं हूं

“**Úm, phạ nhật ra, đa ra, hồng, phẩn tra**”

*)OM_ VAJRA TALA (?TĀRA) HŪM PHAT

Ấn Tượng: Dùng tay phải vỗ lòng bàn tay trái 3 lần.



_ Lại Tịch Trừ Chân Ngôn và Thủ Ấn

ॐ किलिकिली रावा रावृद्रा हूं

“**Úm, chỉ lị chỉ la, phạ lão nại ra, hồng, phẩn tra**”

*)OM_ KILIKILI RAVA RAUDRA HŪM PHAT

Ấn Tượng: Tay phải búng ngón tay 3 lần



Tại sao gọi là **Tịch Trừ**? Tức là hương hoa, y áo, các thứ có nạn phải trừ đi để cho sạch sẽ.

_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn trừ bỏ dơ bẩn (Khử cầu)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Úm, chỉ rị chỉ rị , phạ nhật ra, hồng, phần tra**”

*)OM_ KILIKILI (?KĪLIKĪLA) VAJRA HŪM PHAT

Ấn Tướng: Tay phải ngón cái vịn móng ngón vô danh, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi mở, chống ở hông, 3 ngón hướng về phía trước. Tay trái cũng vậy. Dùng chạm vào các vật tức thành thanh tịnh, trừ bỏ các dơ uế. Đọc **Chỉ rị chỉ rị** (KILI KILI) rất mạnh là xua đuổi.



_ Lại làm thanh tịnh, dùng Bộ Tâm Chân Ngôn, làm quyền lấy nước, tụng 7 biến, rưới vẩy các vật khiến được thanh tịnh.

.) Phật Bộ Tâm Chân Ngôn:

ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Úm, nhĩ năng, nhĩ ca**”

*)OM JINA JIK

.) Liên Hoa Bộ Tâm Chân Ngôn:

ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Úm, a rô lực ca**”

*)OM_ ALOLIK (?AROLIK)

.) Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn:

ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Úm, phạ nhật ra, tri lặc ca**”

*)OM_ VAJRA-DHRK

_ Lại làm Quang Trạch. Trì tụng Chân Ngôn và tác Ấn, dùng ấn khiến cho các vật thành quang trạch

.) Phật Bộ Quang Trạch Chân Ngôn:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Úm, đế thệ đế nhạ , tử vĩ ninh, tử đế ta đà dã, hồng, phần tra**” (3 lần)

*)OM_ TEJE TEJE SIVINI SIDDHE SADHAYA (?SĀDHAYA) HŪM PHAT

.) Liên Hoa Bộ Quang Trạch Chân Ngôn:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Úm, nễ tử dã nễ tử dã, nễ bí dã, ma ha thất rị duệ, sa phạ ha**” (3 biến)

*)OM_ DĪPYA DĪPYA DIPAYA MAHĀ-ŚRYE (?MAHĀ-ŚRĪYE) SVĀHĀ

) Kim Cang Bộ Quang Trạch Chân Ngôn:

ॐ क्वल क्वलय वरि स्र

“Úm, nhập phạ la, nhập phạ la dã, mãn độ li, sa phạ ha” (3 biến)

*)OM_ JVALA JVALAYA BADARI (?BANDHURI) SVĀHĀ

Ấn Tượng: Tay trái ngón cái vịn móng ngón vô danh, duỗi thẳng 3 ngón kia hơi hờ, duỗi cánh tay về phía trước. Tay phải cũng vậy để dưới tay trái, dùng tay trái chạm vào các vật, tức thành Quang Trạch.



Ấn này thông cho cả 3 Bộ.

Lại tác Hộ Thân. Kết Minh Vương Thủ Ấn, tụng Chân Ngôn ấn đánh và 5 chỗ, khiến thành hộ thân kiên cố .

ॐ वज्र ग्नि चक्रपय स्र

“Úm, phạ nhật ra kỳ kinh, bát ra nễ bát đa dã, soa ha” (3 biến)

*)OM_ VAJRA GNI(?AGNI) PRADIPTAYA (?PRADIPTĀYA) SVĀHĀ

Ấn Tượng: Hai ngón út cài chéo nhau trong lòng bàn tay, 2 ngón vô danh cùng đè 2 ngón út, dựng thẳng 2 ngón giữa dựa đầu nhau, hơi co 2 ngón trỏ bên lóng trên của ngón giữa cách nhau một hạt lúa, dựng thẳng 2 ngón cái dựa bên ngón giữa, ấn chạm 5 chỗ tức thành Hộ Thân.



Lại tác Đại Hộ Thân An. Tụng Chân Ngôn và tác Thủ Ấn, ấn 5 chỗ thành Đại Hộ Thân

ॐ क्वरि नय ह्रु क्क

“Úm, nhập phạ la năng dã, hồng, phẩn tra” (5 biến)

*)OM_ JVARA (?JVALA) NAYA HŪM PHAT

Ấn Tượng: Như Ấn Hộ Thân bên trên

Lại Bị Giáp Chân Ngôn và kết Ấn chà xát trên đánh xuống đến chân thành Bị Giáp (mặc áo giáp)

ॐ वृष वृष ऋयवृष चक्र स्र

“Úm, độ tỷ độ tỷ, ca dã độ tỷ, bát ra nhập phạ li ninh, soa ha” (3 biến)

*)OM_ DHRPI DHRPI KĀYADHRVI (?DHŪPE DHŪPE KĀYA-DHŪPE) PRAJVARI (? PRAJVALINI) SVĀHĀ

Ấn Tượng: Hai tay mở duỗi 10 ngón tay



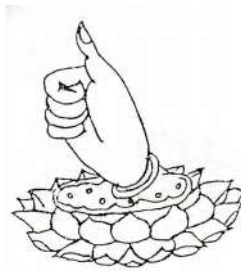
_ Lại dùng Chân Ngôn và Thủ Ấn tác Kết Kế (cột búi tóc). Chân Ngôn là:

ॐ श्रीसिद्धि करि स्वहा

“Úm, tô tát địa, yết rị, soa ha”

*)OM_ SUSIDDHI KARI SVĀHĀ

Ấn Tượng: Tay phải nắm thành quyền, duỗi thẳng ngón cái ấn ở trên đỉnh. Đây là Ấn kết tóc chung cho cả 3 Bộ.



.) Phật Bộ Kết Kế Chân Ngôn:

ॐ श्रीसिद्धि करि स्वहा नमोऽस्तुते नमोऽस्तुते ॐ श्रीसिद्धि करि स्वहा

“Na măn sa đát lệ dā địa vī ca nan, tát ra phạ đát tha nghiệt đa nan. Úm, tát đà, lộ giả ninh, sa phạ ha” (7 biến)

*)NAMAḤ STRAIDHVIKANĀM (?STRIYA-DHVIKĀNĀM) SARVA TATHĀGATANĀM_ OM SIDDHA LOCATE (?LOCANE) SVĀHĀ

.) Liên Hoa Bộ Kết Kế Chân Ngôn:

ॐ नमो रत्नत्रयै नमो पद्मपाणये ॐ कठ स्वहा

“Na mô ra đát năng đát ra dạ dā. Na măn bát na măn trì ninh duệ. Úm, ca lai, soa ha” (7 lần)

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ PADMA-PAṆAYE (?PADMA-PĀṆĀYE)
OM_ KAṬA SVĀHĀ

.) Kim Cang Bộ Kết Kế Chân Ngôn:

ॐ नमो रत्नत्रयै नमो शिवाय नमोऽस्तुते मन्त्राय मन्त्राय नमोऽस्तुते ॐ श्रीसिद्धि करि स्वहा ॐ श्रीसिद्धि करि स्वहा ॐ श्रीसिद्धि करि स्वहा

“Na mô ra đát năng đát ra dạ dā

Na măn thấtt chiến noa phạ nhật ra trì ninh duệ, ma ha được khấtt sa, tể na bát đa duệ

Na măn ca la ngậtt lậtt đắtt đa lốtt tửtt ni, thương ca lệtt, phiếtt đểtt ca rịtt, giàtt tra, nễtt gia tra đắtt dấtt, soa ha” (7 lần)

*)NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ŚCAṆḌA VAJRA-PAṆAYE (?VAJRA-PĀṆĀYE) MAHĀ-YAKṢA SENAPATAYE

NAMAḤ KALAKRANĀM TARŪPIṆĪ ŚAMKALE (?ŚAMKARE) ŚAMTI (?ŚĀNTI) KARI _ GHATA NIGHATA PAṬANIYE SVĀHĀ

Ấn Tượng như trên

_ Lại an đề Tòa Bàn: Tùy theo chỗ của Bản Tôn. Trước hết nên quán tưởng nơi phương đó, núi báu trong biển lớn, trên núi tưởng tòa Sư Tử báu. Sau đó quán tưởng lầu gác báu treo các dây lụa, phướng phan, lọng báu có **lưỡi Ma Ni** (Maṇi-jāla) để trang nghiêm. Liên tục quán tưởng, sau đó tụng Chân Ngôn hay làm mỗi chỗ quán tưởng đều thành tựu.

_ Thành Tựu Đại Hải Chân Ngôn:

ॐ (ॐ) ॐ

“**Úm, tỳ mãn rô na địa, hồng**” (3 biến)

*)OM_ VIMĀLODATI (?VIMALA UDADHI) HŪM

_ Thành Tựu Bảo Sơn Chân Ngôn:

ॐ (ॐ) ॐ

“**Úm, a giả la, hồng**” (3 biến)

*)OM_ ACALA HŪM

_ Thành Tựu Bảo Sư Tử Tòa Chân Ngôn:

ॐ (ॐ) ॐ

“**Úm, a giả la, vi lê, soa ha**” (3 biến)

*)OM_ ACALA VIRE (?VĪRE) SVĀHĀ

_ Thành Tựu Bảo Liên Hoa Chân Ngôn:

ॐ (ॐ) ॐ

“**Úm, ca man ra, soa ha**” (3 biến)

*)OM_ KAMALA SVĀHĀ

_ Thành Tựu lầu gác báu các thứ trang nghiêm Chân Ngôn:

ॐ (ॐ) ॐ

“**Úm, năng man tát ra phạ đát tha nghiệt đa nẫm.**

Úm, tát ra phạ tha, khiếm, ô đa nghiệt đế, sa phạ ra, hê mãn ám, già già năng kiếm, soa ha” (7 biến)

*)OM_ NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀNĀM

OM_ SARVATHĀ KHAM _ UTAKATE (?UDGATE) SPHARA HIMAM GAGANAKĀM SVĀHĀ

Ấn đồng như **Biện Chư Sự Ấn**

_ Lại dâng hiến nước Ứ Già. Tùy theo Bộ khác nhau cùng sự thành tựu tương ứng mà làm đồ đựng nước tức là: Vàng, bạc, thục đồng, đá, cây, ngói, thương khư (Ốc tù và), ốc, cây, lá Vật này không được bể nát, nứt, xấu xa, có lỗ thủng... đựng đầy nước thơm tùy theo Bộ Loại, bỏ các thứ hoa vào, dùng Biện Sự Chân Ngôn trì tụng. Sau đó tụng Bộ Mẫu Chân Ngôn tức lấy đồ đựng nước Ứ Già trì tụng rồi đặt ở bên trái

ॐ 𑖀𑖩𑖫𑖮

“Úm, a rô lục ca” (7 biến)

*)OM_ ALORIK (?AROLIK)

.) Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn:

ॐ 𑖀𑖩𑖫𑖮

“Úm, phạ nhật ra, tri lạc ca” (7 biến)

*)OM_ VAJRA DHRK

_ Lại nói **Phật Bộ Mẫu Phật Nhân Ấn** Tướng: Hai tay chấp lại, co 2 ngón cái vào lòng bàn tay, hơi co ngón trở đè ở lưng ngón trên của ngón giữa.



_ Lại nói **Liên Hoa Bộ Mẫu Bán Nôa Ra Phạ Tư Ninh** (Pāṇḍara-vāsinī) Ấn Tướng: Chắp tay, 10 ngón đều cong đầu chạm nhau, lòng bàn tay trống rỗng như hoa sen nở, cổ tay dính nhau



_ Lại nói **Kim Cang Bộ Mẫu Mang Mãng Kê** Ấn Tướng: Chắp tay co 2 ngón trở và ngón vô danh vào trong lòng bàn tay, lưng ngón dựa nhau, dựng thẳng 6 ngón kia chạm nhau.



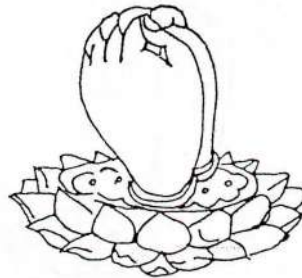
_ Lại nói **Phật Bộ Tâm** Ấn Tướng: 8 ngón cái chéo nhau trong lòng bàn tay, lòng giữa của 8 ngón lòi ra, dựng thẳng 2 ngón cái sao cho đầu ngón không chạm nhau.



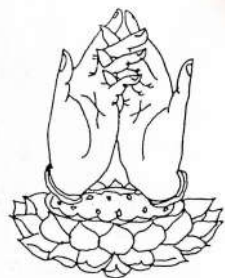
_ Lại nói **Liên Hoa Bộ Tâm Ấn** Tướng: Y như Phật Bộ Tâm Ấn, chỉ đổi lại, co ngón cái trái vào lòng bàn tay, dựng thẳng ngón cái phải



_ Lại nói **Kim Cang Bộ Tâm Ấn** Tướng: Y như Phật Bộ Tâm Ấn, chỉ đổi lại, co ngón cái phải vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng ngón cái trái



_ Pháp **Ú Già**: Tùy theo Bộ tương ứng và sự thành tựu, đủ như trong Kinh nói. Khi dâng hiến thời dùng Bốn Chân Ngôn trì tụng mà hiến dâng



_ Lại **Phụng Thỉnh Bốn Tôn**: Hành Giả tùy theo chỗ tác Pháp. Trước tiên tưởng Tòa xong, lại dùng Chân Ngôn Thủ Ấn

_ Thành tựu Xa Lộ phụng tống Bốn Tôn:

.) Xa Lộ Chân Ngôn:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

“**Úm, đồ rô đồ rô , hồng**” (3 biến, thông cho cả 3 Bộ)

*)OM_ TURU TURU HŪM



.) Kim Cang Bộ Tâm Chân Ngôn:

ॐ वज्र धृक्

“Úm, phạ nhật ra, trì lạc ca” (25 biến)

*)OM_ VAJRA DHRK

Ấn Tượng: Y Phật Bộ Tâm Ấn, đổi lại ngón cái trái hướng phía trước chiêu vờ 3 lần tức thành thỉnh.



_ Khi muốn **Phụng Thỉnh**: Trước tiên bày lư hương, tụng Chân Ngôn, làm sạch đường đi trong hư không, sau đó phụng thỉnh. Tịch Trừ Chân Ngôn là:

ॐ शुद्धि करि ज्वालानामृतमर्त्यये ह्रूं ह्रूं वृ वृ ह्रूं ह्रूं

“Úm, tô tất địa ca li, nhập phạ li đa, nãm đa mộ ra đa duệ, nhập phạ ra nhập phạ ra, mãn đà mãn đà, hạ năng hạ năng, hồng, phẩn tra”

*)OM_ SUSIDDHI KARI _ JVALATANĀMTAMRRTTAYE (? JVALITA ANANTA MURTTĀYE) JVALA JVALA BANDHA BANDHA HANA HANA HŪM PHAT

_ Kim Cang Bộ Tịnh Trì Đạo Lộ Chân Ngôn thông cho cả 3 Bộ

.) Phật Bộ Tịnh Trì Đạo Lộ Chân Ngôn:

ॐ ह्रूं ह्रूं

“Úm, nhập phạ ra, hô hồng”

*)OM_ JVALA HŪM

.) Liên Hoa Bộ Tịnh Trì Đạo Lộ Chân Ngôn:

ॐ पद्मवज्र मन्त्र मन्त्र जगत्सुख सुख

“Úm, bát na ma ninh, bà già phạ đễ, mộ ha dã, mộ ha dã, nhạ nguyệt mộ hạ ninh, soa ha”

*)OM_ PADMANE (?PADMINI) BHAGAVATI MOHAYA MOHAYA JAGAR (?JAGAD) MOHANI SVĀHĀ

_ Tác Pháp này xong thời trong không trung, chướng nạn đều trừ sạch sẽ, thành Kinh Giác Bồn Tôn

Trước tiên tác **Phụng Thỉnh Ấn**, tụng câu này một biến, lại nên tụng Phụng Thỉnh Chân Ngôn

ଠକ୍ଷୁକେ ନମାଂ ଶକ୍ତ ନକ୍ଷୁକ ସମୟ ନବ ମୁକ୍ତ ବ ସଂସୃଜମଂ
ସୁକ୍ତ ବଦନ୍ତ ସୁକ୍ତ ସୁକ୍ତ

“Ê hê duệ hê, bà già phạm, ninh ha , bặc để dạ năng, ta man duệ năng giả,
ứ gia kiện dã, tam bát la để thế nam, bố nhạ giá nại nể dã, bát la hê na dương”
(chung cho phụng thỉnh 3 Bộ)

EBHYEHI (?EHYEHI) BHAGAVAM NIHA BHAKTYANA SAMAYE
NACA ARGHA CA SAMPRATISEDAM PŪJA CADADYA PRAHĪDAME

Tùy theo Tòa Ngõi của Bồn Tôn, các tướng hoan hỷ, phần nộ cho đến Hành
Giả tướng tướng mạo tương ưng mà thỉnh Bồn Tôn

TÔ TẮT ĐỊA YẾT RA CÚNG DƯỜNG PHÁP
QUYÊN THỨ NHẤT (Hết)

Thiên Hỷ năm thứ ba, tháng chín, ngày mồng bảy chép xong
Bản của Tăng **Bình Nguyên**